

Trắc nghiệm Ngữ văn lớp 10: Bài - Ca dao hài hước châm biếm

Đọc thêm: Tháng giêng, thánh hai,...; mười tay

Câu 1: Điền khuyết: “Ca dao hài hước châm biếm tập trung trí tuệ, nghệ thuật dân gian như tạo ra mâu thuẫn, cách nói phóng đại, chơi chữ để bật lên tiếng cười mang nhiều sắc thái khác nhau”

- a. ẩn dụ b. trào lộng c. thậm xưng d. ngoa dụ.

Câu 2: Trong những nhận xét dưới đây, nhận xét nào *không* đúng với ca dao hài hước?

- a. Tiếng cười tự trào trong ca dao vui vẻ, hồn nhiên.
b. Tiếng cười châm biếm, phê phán trong ca dao sắc sảo, sâu cay.
c. Ca dao hài hước nói lên sự thông minh, hóm hỉnh và tâm hồn lạc quan, yêu đời của người lao động cho dù cuộc sống thời xưa của họ còn nhiều vất vả, lo toan.
d. Ca dao hài hước là những bài học về đối nhân xử thế.

Câu 3: Trong bài ca dao “*Làm trai cho đáng sức trai - Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng*”, tiếng cười được tạo nên bằng thủ pháp nghệ thuật nào?

- a. Đối lập, cường điệu. b. Đối lập, chơi chữ.
c. Ẩn dụ, cường điệu. c. Cường điệu, chơi chữ.

Câu 4: Trong bài ca dao “*Làm trai cho đáng sức trai - Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng*”, hình ảnh “*gánh hai hạt vừng*” là cách nói:

- a. Tả thực. b. Cường điệu. c. Biểu tượng. d. Ẩn dụ

Câu 5: Trong bài ca dao “*Làm trai cho đáng sức trai - Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng*”, hình ảnh “*khom lưng chống gối*” và “*gánh hai hạt vừng*” có quan hệ với nhau như thế nào?

- a. Quan hệ nhân quả. b. Quan hệ tương đương.
c. Quan hệ đối lập. d. Quan hệ tương phản

Câu 6: Trong bài ca dao “*Làm trai cho đáng sức trai - Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng*”, có ý nghĩa gì?

- a. Nói lên chí làm trai.
b. Cười những người đàn ông lười biếng.
c. Ca ngợi những người đàn ông có chí lớn.
d. Cười những người đàn ông yếu sức.

Câu 7: Trong bài ca dao “ *Làm trai cho đáng sức trai - Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng*”, đặc điểm nghệ thuật của câu ca dao trên là?

- a. Khắc họa nhân vật bằng những chi tiết có giá trị khái quát cao.
- b. Cường điệu và phóng đại.
- c. Đối lập và phóng đại.
- d. Dùng ngôn ngữ đời thường mà hàm chứa ý nghĩa sâu xa.

Câu 8: Dòng nào sau đây *không* phải là nghệ thuật của ca dao châm biếm, hài hước?

- a. Nghệ thuật dựng cảnh và xây dựng chân dung nhân vật.
- b. Nghệ thuật miêu tả nội tâm tinh tế.
- c. Sử dụng nhiều lối nói phóng đại, tương phản và đối lập.
- d. Ngôn ngữ đời thường mà hàm chứa ý nghĩa sâu sắc.

Câu 9: Tiếng cười trong ca dao có ý nghĩa gì?

- a. Mua vui, giải trí.
- b. Tự trào.
- c. Phê phán.
- d. Cả a, b và c

Câu 10: Dòng nào dưới đây *không* phải để nói về vẻ đẹp tâm hồn của người lao động qua những bài ca dao châm biếm, hài hước?

- a. Sự thông minh, dí dỏm.
- b. Tinh thần đấu tranh.
- c. Tinh thần lạc quan.
- d. Những tâm tư thâm kín.

Câu 11: Đối tượng nào *không* được nói đến trong các bài ca dao sau?

- (1) Làm trai cho đáng nên trai – Một trăm đám cổ chẳng sai đám nào.
- (2) Làm trai cho đáng sức trai – Khom lưng chống gối, gánh hai hạt vừng.
- (3) Chồng người đi ngược về xuôi – Chồng em ngồi bếp sờ đuôi con mèo.
- (4) Anh hùng là anh hùng rom – Ta cho môi lửa hết cơn anh hùng.

- a. Loại đàn ông gia trưởng, tàn nhẫn với vợ.
- b. Loại đàn ông yêu đuối, ẻo lả.
- c. Loại đàn ông vô tích sự.
- d. Loại đàn ông bất tài mà hay huênh hoang.

Câu 12: Bài ca dao: “*Làm trai cho... hạt vừng*” phê phán loại đàn ông nào?

- a. Hay khoe mẽ.
- b. Thiếu chí khí.
- c. Tham ăn tục uống.
- d. Yếu đuối.

Câu 13: Trong những câu ca dao sau, câu nào thể hiện quan niệm của nhân dân về đáng nam nhi?

- a. Làm trai cho đáng nên trai – Vót đũa cho dài ăn vụng cơm con.
- b. Làm trai cho đáng nên trai – Ăn cơm với vợ lại nài vết niêu.
- c. Làm trai cho đáng nên trai – Phú Xuân đã trải, Đồng Nai cũng từng.
- d. Ăn no rồi lại nằm khoèo – Nghe giục trống chèo bế bụng đi xem.

Câu 14: Quan niệm về đáng nam nhi thể hiện trong câu ca dao *“Làm trai cho đáng nên trai – Phú Xuân đã trải, Đồng Nai cũng từng.”* là gì?

- a. Phải là trụ cột trong gia đình.
- b. Phải có chí tang bồng.
- c. Phải nỗ lực vượt lên chính mình.
- d. Phải có tài năng đặc biệt.

Câu 15: Ý nghĩa tiếng cười trong bài ca dao *“Anh hùng là anh hùng rơm -Ta cho mỗi lửa hết cơn anh hùng”* là gì?

- a. Đả kích những kẻ chẳng có gì mà luôn ba hoa khoác lác.
- b. Cười những kẻ lười biếng.
- c. Phê phán loại đàn ông tham ăn.
- d. Cười loại đàn ông yếu đuối.

Câu 16: Đối tượng nào được nói đến trong ca dao *“Anh hùng là anh hùng rơm -Ta cho mỗi lửa hết cơn anh hùng”* là ai?

- a. Loại đàn ông gia trưởng, tàn nhẫn với vợ.
- b. Loại đàn ông yếu đuối, ẻo lả.
- c. Loại đàn ông vô tích sự.
- d. Loại đàn ông bất tài mà hay huênh hoang.

Câu 17: Bài ca dao *“Bao giờ cho đến tháng ba - Éch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng...”* không có ý nghĩa nào?

- a. Nói ngược để làm bật lên tiếng cười châm biếm, hóm hỉnh.
- b. Mượn cách nói ngược để thể hiện khát vọng đổi đời, mong muốn vùng lên của người lao động.
- c. Thể hiện niềm tin và sức mạnh của nhân dân vào chính mình.
- d. Khát vọng được tự do, chống đối lại những điều trái tự nhiên.

Câu 18: Trong bài ca dao *“Bắc thang lên đến cung mây - Hỏi sao Cuội phải ấp cây cả*

đời?-Cuội nghe thấy nói, Cuội cười: -Bởi hay nói dối, phải ngồi gốc cây”, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu là gì?

- a. Sử dụng biện pháp đối lập để tạo tiếng cười.
- b. Sử dụng thành ngữ “nói dối như Cuội” để tạo ra tiếng cười.
- c. Sử dụng biện pháp chơi chữ để tạo ra tiếng cười.
- d. Sử dụng cách nói ngược để tạo ra tiếng cười.

Câu 19:Trong bài ca dao “ *Làm trai cho đáng nên trai –Một trăm đám cổ chẳng sai đám nào*”, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu là gì?

- a. Sử dụng biện pháp đối lập để tạo tiếng cười.
- b. Sử dụng biện pháp phóng đại để tạo ra tiếng cười.
- c. Sử dụng biện pháp chơi chữ để tạo ra tiếng cười.
- d. Sử dụng cách nói ngược để tạo ra tiếng cười.

Câu 20: Trong bài ca dao “*Anh hùng là anh hùng rơm-Ta cho mỗi lửa hét cơn anh hùng*”, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu là gì?

- a. Sử dụng biện pháp đối lập để tạo tiếng cười.
- b. Sử dụng biện pháp phóng đại để tạo tiếng cười
- c. Sử dụng biện pháp chơi chữ để tạo ra tiếng cười.
- d. Sử dụng cách nói ngược để tạo ra tiếng cười.

Câu 21: Trong bài ca dao “ *Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn...*” cách đếm từng tháng và cách gọi các tháng là “*tháng khốn tháng nạn*” có ý nghĩa gì?

- a. Phản ánh nỗi lo lắng của người nông dân và nỗi đau khổ triền miên cứ diễn ra hàng ngày với cuộc sống của họ.
- b. Phản ánh nỗi buồn khổ thất vọng của người nông dân và cuộc sống đói khổ của họ.
- c. Phản ánh nỗi tuyệt vọng, bế tắc của người nông dân và cuộc sống vất vả của họ.
- d. Phản ánh sự chán chường của người nông dân và ước mơ hạnh phúc của họ.

Câu 22: Trong bài ca dao “*Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn...*”-bài 1, nhân vật trữ tình ở vào tình cảnh như thế nào?

- a. Nghèo đói, thiếu thốn triền miên mà còn gặp hoạn nạn.
- b. Túng thiếu, mất đồ (cái đó)
- c. Nghèo đói, bệnh tật, mất mát.

d. Túng thiếu, bệnh tật, khổn khổ.

Câu 23: Từ “Đó” trong bài ca dao “ *Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn...*”-bài 1,có ý nghĩa gì?

- a. Cái đó, công cụ lao động của chàng trai.
- b. Vừa chỉ cái đó vừa chỉ con người.
- c. Từ đa nghĩa, chỉ cái đó và chỉ ai đó chung chung.
- d. Nơi chốn cụ thể, và công cụ lao động.

Câu 24: Trong bài ca dao “ *Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn...*”-bài 1, nét sáng tạo đặc biệt của bài ca dao này là:

- a. Mượn chuyện mất đó để phản ánh cuộc sống nghèo khổ, túng thiếu, hoạn nạn của chàng trai nghèo.
- b. Từ chuyện mất đó, phản ánh cuộc sống bế tắc của người nông dân nghèo trong xã hội cũ.
- c. Mượn chuyện mất đó để nói mất tình yêu và gửi gắm cả những lời trách móc đối với người tình của chàng trai nghèo.
- d. Từ chuyện mất đó mà lên tiếng đả kích bọn thống trị bóc lột trong xã hội cũ.

Câu 25: Trong bài ca dao “*Mười tay*” đã thể hiện nội dung gì?

- a. Nỗi vất vả khổ cực của người phụ nữ nông dân trong xã hội cũ và tình cảm yêu thương đặc biệt cho con.
- b. Nỗi vất vả khổ cực của người phụ nữ nông dân trong xã hội cũ và nỗi lòng đau khổ của họ
- c. Nỗi vất vả khổ cực của người phụ nữ nông dân trong xã hội cũ và lòng nhớ thương con tha thiết.
- d. Nỗi vất vả khổ cực của người phụ nữ nông dân trong xã hội cũ và tâm trạng buồn rầu đau khổ vì xa con.

Đáp án: 1b, 2d, 3a, 4b, 5c, 6b, 7c, 8b, 9d, 10d, 11a, 12d,13c, 14b, 15a, 16d, 7d, 18b, 19a, 20c,21, 22a, 23b, 24c, 25a